TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 13/3/2023
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Minh Sơn

+ Ông Dương Hải Long.

Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà (bà) Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 713/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về "*Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 16/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông (bà) Trần Thị L, sinh năm 2000**.**

Địa chỉ: 89/27 Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông(bà) Bùi Văn H, sinh năm 1981

Địa chỉ: 89/27 Nam Hồ, phường , thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Lan có mặt, ông Hoang vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2022 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Lan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị L kết hôn với ông Bùi Văn H tại Ủy ban nhân dân, phường , thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn thì vợ chồng tại 89/27 Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình, ông H không lo lắng cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cải vả, không có tiếng nói chung. Vợ chồng cũng nhiều lần ngồi lại để nói chuyện khuyên bảo nhau nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm. Nay bà Lan xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông H.

Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Khả Đan Q, sinh ngày 26/01/2020 và Bùi Nhật Khánh A, sinh ngày 08/5/2021. Hiện nay các con đang ở với bà L (mẹ). Ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông H đã được triệu tập theo quy định nhưng ông không đến tòa. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy; Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: Bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn ông H và được nuôi hai con chung. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định. Đồng thời đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao hai chung cho

bà Lan là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà L không L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà L yêu cầu ly hôn ông H, nên xác định quan hệ tranh chấp"*Xin ly hôn*" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến. Do đó: Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: bà L và ông H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách không hòa hợp, ông H không quan tâm đến gia đình, vợ chồng mâu thuẫn từ việc nhỏ đến việc lớn, Hai vợ chồng đã tìm mọi cách để giải quyết nhưng không có kết quả

Tại các phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay bà L không đồng ý đoàn tụ gia đình và xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục. Hơn nữa ông H cũng không đến Tòa chứng tỏ ông H không muốn đoàn tụ gia đình.Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa cũng như các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện việc mâu thuẫn của vợ chồng là thực tế có xảy ra.

Qua xác minh về việc mâu thuẫn của vợ chồng tại khu phố, thì việc mâu thuẫn của vợ chồng không ai biết vì không có đơn thư nên không có cơ sở cung cấp cho tòa.

Do đó; áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lan .

[4] *Về con chung*: Giao hai con chung tên Bùi Khả Đan Q, sinh ngày 26/01/2020 và Bùi Nhật Khánh A, sinh ngày 08/5/2021. Cho bà L là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí:* Bà L chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 51,56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L. Cho bà Trần Thị L và ông Bùi Văn H được ly hôn.

2. *Về con chung*:

Giao hai 02 con tên tên có 02 con chung tên Bùi Khả Đan Q, sinh ngày 26/01/2020 và Bùi Nhật Khánh A, sinh ngày 08/5/2021 cho bà Trần Thị L là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: bà Trần Thị L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng bà L đã tạm nộp theo biên lai thu số: 0002416 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị L có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Bùi Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng*;
- *VKSND TP Đà Lạt*;
- *Chi cục THA Đà Lạt;*
- *UBND, phường, Đà Lạt.*
- *Đương sự;*
- *Lưu;*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Điền